

**KẾ HOẠCH VAY VÀ TRẢ NỢ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH  
GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2025 - 2027**

(Kèm theo Kế hoạch số 247/KH-UBND ngày 15/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Năm 2024		Dự toán 2025	DT 2025 với UTH 2024 (%)	Dự kiến năm 2026	Dự kiến năm 2027
		Dự toán	Ước thực hiện				
A	B	1	2	3	4=3/2	5	6
<b>A</b>	<b>MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP</b>	<b>991.642</b>	<b>1.058.302</b>	<b>1.074.642</b>	<b>101,54</b>	<b>1.094.702</b>	<b>1.150.502</b>
<b>B</b>	<b>BỘ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>16.900</b>	<b>23.449</b>	<b>12.900</b>	<b>55,01</b>	<b>68.414</b>	<b>104.679</b>
<b>C</b>	<b>KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC</b>						
<b>I</b>	<b>Tổng dư nợ đầu năm</b>	<b>154.608</b>	<b>151.163</b>	<b>155.957</b>	<b>103,17</b>	<b>172.607</b>	<b>226.171</b>
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	<i>15,59</i>	<i>14,28</i>	<i>14,51</i>		<i>15,77</i>	<i>19,66</i>
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	-	-	-		-	-
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước (1)	142.926	135.696	144.275	106,32	160.925	214.489
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	11.682	15.467	11.682	75,53	11.682	11.682
<b>II</b>	<b>Trả nợ gốc vay trong năm</b>						
<b>1</b>	<b>Nợ gốc phải trả phân theo nguồn vay</b>	<b>13.500</b>	<b>18.655</b>	<b>14.850</b>	<b>79,60</b>	<b>14.850</b>	<b>18.635</b>
-	Trái phiếu chính quyền địa phương	-	-	-		-	-
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	13.500	14.870	14.850	99,87	14.850	14.850
-	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	0	3.785		0,00	0	3.785
<b>2</b>	<b>Nguồn trả nợ</b>	<b>13.500</b>	<b>18.655</b>	<b>14.850</b>	<b>79,60</b>	<b>14.850</b>	<b>18.635</b>
-	Từ nguồn vay	-	-	-		-	-
-	Bội thu ngân sách địa phương	-	3.785		0,00	0	3.785
-	Tăng thu, tiết kiệm chi	-	-	-		-	-
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh	-	-	-		-	-
-	Nguồn khác (nguồn XDCB tập trung)	13.500	14.870	14.850	99,87	14.850	14.850
<b>III</b>	<b>Tổng mức vay trong năm</b>	<b>16.900</b>	<b>23.449</b>	<b>31.500</b>	<b>134,33</b>	<b>68.414</b>	<b>104.679</b>
1	Theo mục đích vay	16.900	23.449	31.500	134,33	68.414	104.679

STT	Nội dung	Năm 2024		Dự toán 2025	DT 2025 với UTH 2024 (%)	Dự kiến năm 2026	Dự kiến năm 2027
		Dự toán	Ước thực hiện				
-	Vay bù đắp bội chi	16.900	23.449	12.900	55,01	68.414	104.679
-	Vay trả nợ gốc	-	-	18.600		-	-
2	Theo nguồn vay	16.900	23.449	31.500	134,33	68.414	104.679
-	Trái phiếu chính quyền địa phương						
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	16.900	23.449	31.500	134,33	68.414	104.679
-	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật					0	0
<b>IV</b>	<b>Tổng dư nợ cuối năm</b>	<b>158.008</b>	<b>155.957</b>	<b>172.607</b>	<b>110,68</b>	<b>226.171</b>	<b>312.215</b>
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	<i>15,93</i>	<i>14,74</i>	<i>16,06</i>		<i>20,66</i>	<i>27,14</i>
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	-	-	-			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước (1)	146.326	144.275	160.925	111,54	214.489	304.318
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	11.682	11.682	11.682	100,00	11.682	7.897
<b>D</b>	<b>Trả nợ lãi, phí</b>	<b>2.500</b>	<b>4.660</b>	<b>3.300</b>	<b>70,82</b>	<b>4.000</b>	<b>5.000</b>